

Ngày: 13-8-2019

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sao
2. Ông Kim Thái Hồ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 13-8-2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 363/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Kim H, sinh năm: 198 ; Địa chỉ: Tân Quý, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện nay: Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 198 ; Địa chỉ: Tân Quý, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa: nguyên đơn có mặt, bị đơn có xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-4-2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân
quận Tân Phú, nguyên đơn ông Nguyễn Kim H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị N tự nguyện chung sống năm 2009, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 347, quyển số 02/2009 ngày 15-10-2009. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại địa chỉ Tân Quý, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đến khi xảy ra mâu thuẫn thì ông ra ngoài thuê nhà ở cho đến nay. Vợ chồng sống với nhau được tám năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự chia sẻ, quan tâm nhau trong cuộc sống. Cả hai sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không còn sự quan tâm chăm sóc. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà N để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Ông và bà N có hai con chung tên Nguyễn Kim Hoàng H, sinh ngày 19/9/201 và Nguyễn Kim Bảo N, sinh ngày 03/5/201 . Hiện tại, hai con chung đang ở với bà N nên khi ly hôn, ông đồng ý giao hai con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông sẽ cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung : Không có.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà xác nhận việc kết hôn và thời gian chung sống như ông H trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng năm 2017 giữa ông H và chị gái bà có mâu thuẫn. Năm 2018, ông H không về nhà, ở tại nơi làm việc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Trước yêu cầu ly hôn của ông H thì bà không đồng ý ly hôn vì con cái còn nhỏ cần có gia đình đầy đủ.

- *Về quan hệ con chung :* Bà và ông H có hai con chung tên Nguyễn Kim Hoàng H, sinh ngày 19/9/201 và Nguyễn Kim Bảo N, sinh ngày 03/5/201. Nếu Tòa án có chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H thì bà yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Không có.

Toà án đã tổ chức cho các bên hoà giải nhưng không tiến hành hoà giải được do bà N có yêu cầu vắng mặt nên Toà án lập biên bản không tiến hành hoà giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên toà hôm nay:

- Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

- Bà N có yêu cầu vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật :* Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật được quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của H. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung Nguyễn Kim Hoàng H, sinh ngày 19/9/201 và Nguyễn Kim Bảo N, sinh ngày 03/5/201 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi các con lần lượt trưởng thành. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án

- Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 347, quyển số 02/2009 do Ủy ban nhân dân phường A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15-10-2009 thì quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà N cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay ông H yêu cầu ly hôn, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn – bà N:* Xét bà N có yêu cầu được vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải cũng như xét xử tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú, do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông H yêu cầu ly hôn. Bà N không đồng ý ly hôn. Đây là vấn đề tranh chấp cần xem xét.

Xét, bà N không đồng ý ly hôn do con cái còn nhỏ và cho rằng giữa bà và ông H không có mâu thuẫn. Tuy nhiên, bà N cũng xác nhận: Năm 2017, giữa ông H và chị gái bà có mâu thuẫn. Từ năm 2018 đến nay, ông H đi làm không về nhà, ở tại nơi làm việc. Bà N và ông H cùng xác nhận vợ chồng sống ly thân từ tháng 6-2018, mỗi người ở một nơi, điều đó thể hiện vợ chồng đã có mâu thuẫn nhưng từ đó đến nay vẫn không đưa ra các giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà N có yêu cầu vắng mặt điều đó thể hiện bà N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, ông H xác nhận không còn tình cảm với bà N, không muốn tiếp tục chung sống với bà N. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên tắc cơ bản của hôn nhân là tự nguyện, mục đích hôn nhân là “vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc”, trong trường hợp này giữa ông H và bà N đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H.

- *Về quan hệ con chung:* Hai bên xác nhận có hai con chung tên Nguyễn Kim Hoàng H, sinh ngày 19-9-201 và Nguyễn Kim Bảo N, sinh ngày 03-5-201. Khi ly hôn, ông H đồng ý giao hai con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N đồng ý nuôi hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy, việc các bên thỏa thuận giao hai con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi cho con và phù hợp với nguyện vọng của con nên có cơ sở chấp nhận.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Ghi nhận sự tự nguyện của ông H cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.500.000 đồng/tháng. Bắt đầu thực hiện từ tháng 8-2019, thực hiện vào ngày cuối mỗi tháng và chấm dứt theo Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Các bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung:* Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng. Tổng cộng là 600.000 đồng. Số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012825 ngày 24-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông H phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kim H

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Kim H được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 347, quyền số 02/2009 ngày 15-10-2009 do Ủy ban nhân dân phường A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông H và bà N hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực.

- Về quan hệ con chung: Hai bên xác nhận có hai con chung tên Nguyễn Kim Hoàng H, sinh ngày 19-9-201 và Nguyễn Kim Bảo N, sinh ngày 03-5-201. Khi ly hôn, bà N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.500.000 đồng/tháng. Bắt đầu thực hiện từ tháng 8-2019, thực hiện vào ngày cuối mỗi tháng và chấm dứt theo Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Địa điểm thi hành: Tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thi hành án thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa giải quyết.

+ Ông H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

2. Về án phí:

Ông H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng. Tổng cộng là 600.000 đồng. Số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012825 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông H phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000 đồng.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo.

Ông Nguyễn Kim H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- UBND phường A, Quận Bình Tân, TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ (Thúy)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Thị Thanh Mai